

Số: 37/2020/QĐST-HNGĐ

Ngày: 25/6/2020.

V/v công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con.

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Trường Sơn – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Quỳnh Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2020/TLST- VHNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định mở phiên họp số: 16/2020/QĐ - TA ngày 15 tháng 6 năm 2020.

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1983;

HKTT: Tổ 49, phường V, quận T, thành phố N

Nơi ở hiện nay: 201-Shinwa Corp, 1-46 Nigasaki, Taketoyo-cho, Chita-gun, Aichi, NB.

Chị H1, sinh năm 1984;

ĐKKHTT: Tổ 49, phường V, quận T, thành phố N

Nơi làm việc: Công ty TNHH G&T P, địa chỉ: số nhà 136, tổ 18, khu 4, phường C, thành phố VT, tỉnh P

(Các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt)

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cùng các bản tự khai anh Đặng Quốc T và chị H1 trình bày: Anh T và chị H1 kết hôn ngày 13/3/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận T, thành phố N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do khác biệt về tính cách. Năm 2014 anh T đi làm việc ở NB do điều kiện không cho phép, thường xuyên xa nhau nên không thể giải quyết được những mâu thuẫn còn tồn tại. Tình trạng bất đồng kéo dài, gây ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của vợ chồng và các con. Nay anh T và chị H1 xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thành N, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 16/8/2014.

Anh T và chị H1 thỏa thuận chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu T.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 cho cháu N và cháu T mỗi tháng là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T và chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị H1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn và không yêu cầu anh Đặng Quốc T phải chịu.

Anh T và chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm đề nghị công nhận việc thuận tình ly hôn, nuôi con giữa anh Đặng Quốc T và chị H1. Công nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn của chị H1.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Quốc T và chị H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm, gần gũi, chia sẻ trong cuộc sống gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Đặng Quốc T và chị H1 đều thuận tình ly hôn.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Đặng Quốc T làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đang ở NB, Tại văn bản số 7882/QLXNC-P5 ngày 04/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh T xuất cảnh ngày 10/10/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị H1 có đăng ký HKTT tại tổ 49, phường V, quận T, thành phố N nhưng hiện tại chị H1 đang làm việc tại Công ty TNHH G&T P, địa chỉ: số nhà 136, tổ 18, khu 4, phường C, thành phố VT, tỉnh P theo Hợp đồng lao động số: 05/2020/HĐLĐ-G&T ngày 31/01/2020 của Công ty TNHH G&T P. Anh Đặng Quốc T có Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với chị H1. Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ việc là đúng quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng Quốc T đang ở NB nhưng không xin được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại NB vào Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi về Việt Nam. Theo yêu cầu đề nghị giám định của chị H1, Tòa án nhân dân tỉnh P đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P giám định “chữ ký của anh Đặng Quốc T tại trang 02 Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 11/5/2020, trang 01 Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/5/2020 , trang 02 Bản tự khai ngày 11/5/2020 so với mẫu so sánh là 01 bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01/2009, đăng ký ngày 13/3/2009 tại UBND phường V, quận T, thành phố N có phải cùng một người ký hay không”, kết quả giám định xác định: “ *Chữ ký đứng tên Đặng Quốc T dưới mục “Chồng (ký và ghi rõ họ tên); Người làm đơn; Người khai” trên “ Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Đơn xin giải quyết vắng mặt; Bản*

tự khai” so với chữ ký đứng tên Đặng Quốc T dưới mục “ Chữ ký của chồng trên Giấy chứng nhận kết hôn” là do cùng một người ký ra”. Chị H1 đã có bản tự khai tại Tòa án nhân tỉnh P thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn với anh Đặng Quốc T. Từ đó đủ căn cứ kết luận việc anh Đặng Quốc T và chị H1 thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thành N, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 16/8/2014. Anh T và chị H1 thỏa thuận chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu T, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 cho cháu N và cháu T mỗi tháng là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên.

Xét thấy thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh T và chị H1 hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T và chị H1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Việc tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn của chị H1 phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369 và Điều 370 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Quốc T và chị H1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Quốc T và chị H1: giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Đặng Bảo T, sinh ngày 16/8/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nam và cháu Trang thành niên. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 cho cháu Nam và cháu Trang mỗi tháng là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi cháu Nam và cháu Trang thành niên.

Anh Đặng Quốc T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Tòa án không giải quyết.

4. Về lệ phí ly hôn: Công nhận chị H1 tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H1 đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0004214 ngày 21/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P. Chị H1 còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- THADS tỉnh P;
- UBND phường V;
- Đương sự;
- L-u HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Trường Sơn